TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÙ LAO DUNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/DS-ST.
Ngày 30- 10 - 2019
V/v "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Mỹ Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Quân.

2. Ông Võ Quốc Hưng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Tô Văn Thừa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Trung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2019/TLST- DS, ngày 01 tháng 7 năm 2019 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXXST- DS ngày 30 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Nguyễn Thị L, sinh năm: 1973. Cư trú tại: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

* *Đồng bị đơn*: 1. Huỳnh Tấn Ph, sinh năm: 1961. Cư trú tại: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

2. Mạch Thị Ch, sinh năm: 1969. Cư trú tại: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Mạch Thị Ch*: Ông Huỳnh Tấn Ph, sinh năm: 1961. Cư trú tại: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng – là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 28 tháng 10 năm 2019) (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 01 tháng 7 năm 2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Vào ngày 15/02/2015 ông Huỳnh Tấn Ph và vợ là bà Mạch Thị Ch có hợp đồng vay của bà L số vàng là 20 *(Hai mươi)* chỉ vàng 24K, khi vay hai bên có làm biên nhận nợ, theo thỏa thuận trong hợp đồng ông Ph, bà Ch sẽ góp lãi cho bà L mỗi tháng là 3%/tháng (03 phân/tháng), thỏa thuận thời gian là 01 năm ông Ph, bà Ch sẽ trả lại 20 chỉ vàng 24k gốc cho bà L. Sau khi vay ông Ph, bà Ch có góp lãi cho bà L được 24 tháng, mỗi tháng là 06 phân vàng 24k, tổng cộng là 14,4 chỉ vàng 24k, nhưng đến hẹn ông Ph và bà Ch không trả số vàng gốc là 20 chỉ vàng 24K cho bà L.

Vào ngày 15/08/2017 AL ông Huỳnh Tấn Ph và vợ là bà Mạch Thị Ch có hợp đồng vay thêm của bà L số tiền là 40.000.000 đồng *(Bốn mươi triệu đồng)*, hợp đồng bằng lời nói, không có lập thành văn bản, thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, thỏa thuận thời gian là 01 năm ông Ph, bà Ch sẽ trả lại cho bà L số tiền gốc là 40.000.000 đồng *(Bốn mươi triệu đồng)*. Sau khi vay ông Ph và bà Ch có góp lãi cho bà L được 08 tháng, mỗi tháng 1.200.000 đồng, tổng cộng là 9.600.000 đồng, nhưng đến hẹn ông Ph và bà Ch không trả số tiền gốc là 40.000.000 đồng *(Bốn mươi triệu đồng)* cho bà L.

Theo đơn khởi kiện bà L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung giải quyết buộc ông Huỳnh Tấn Ph và bà Mạch Thị Ch phải có trách nhiệm hoàn trả cho bà L số vàng gốc là 20 *(Hai mươi)* chỉ vàng 24K và số tiền gốc là 40.000.000 đồng *(Bốn mươi triệu đồng)*, trả trong thời gian 30 ngày. Tại phiên tòa bà L xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu Tòa án buộc ông Ph, bà Ch phải hoàn trả cho bà L số vàng gốc là 5,6 chỉ (*Năm chỉ sáu phân*) vàng 24k và số tiền gốc là 35.598.000 đồng.

* Tại bản tự khai ngày 02 tháng 8 năm 2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, bị đơn là ông Huỳnh Tấn Ph cũng là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Mạch Thị Ch trình bày: Vào ngày 15/02/2015 AL vợ chồng ông Ph, bà Ch có hợp đồng vay vàng của bà L số vàng gốc là 20 *(Hai mươi)* chỉ vàng 24K, lãi suất mỗi tháng phải đóng cho bà L là 06 phân vàng 24k, vợ chồng ông Ph, bà Ch thỏa thuận với bà L là gom lại 01 năm đóng một lần là 7,2 chỉ vàng 24k, kể từ khi vay vàng với bà L đến nay vợ chồng ông Ph, bà Ch đã đóng lãi cho bà L với tổng số vàng là 21,2 chỉ vàng 24k (Đóng lãi kể từ ngày 15/02/2016 đến ngày 15/02/2018) thì ngưng đóng cho đến nay. Cụ thể các lần đóng lãi là vào ngày 15/02/2016 AL vợ chồng ông Ph, bà Ch đóng lãi cho bà L 7,2 chỉ vàng 24k, ngày 15/02/2017 AL vợ chồng ông Ph, bà Ch đóng cho bà Liêu 07 chỉ vàng 24k, vào ngày 15/3/2018 AL vợ chồng ông Ph, bà Ch tiếp tục đóng cho bà L 07 chỉ vàng 24k, vì hai lần sau mỗi lần bà L đồng ý giảm cho ông Ph, bà Ch 02 phân vàng.

Vào ngày 15/08/2016 AL vợ chồng ông Ph, bà Ch có hợp đồng vay của bà L số tiền gốc là 40.000.000 đồng *(Bốn mươi triệu đồng)*, hợp đồng bằng lời nói, thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, mỗi tháng vợ chồng ông Ph, bà Ch phải góp lãi cho bà L số tiền là 1.200.000 đồng, vợ chồng ông Ph, bà Ch đã góp lãi cho bà

L được 27 tháng, với tổng số tiền là 32.400.000 đồng (Đóng lãi từ ngày 15/9/2016 AL đến ngày 15/11/2018 AL).

Nay bà L yêu cầu vợ chồng ông Ph, bà Ch trả cho bà L 5,6 chỉ *(Năm chỉ, sáu phân)* vàng 24k vợ chồng ông Ph, bà Ch không đồng ý vì theo quy định pháp luật cá nhân vay vàng không được tính lãi suất, ông Ph, bà Ch yêu cầu Hội đồng xét xử khấu trừ số vàng vợ chồng ông Ph, bà Ch đã đóng lãi cho bà L là 21,2 chỉ vàng 24k thì hiện nay vợ chồng ông Ph, bà Ch không còn nợ bà L số vàng nào, khoản vàng mà ông Ph, bà Ch đóng lãi thừa thì ông Ph, bà Ch không yêu cầu bà L phải trả lại. Đối với phần tiền vay bà L yêu cầu vợ chồng ông Ph, bà Ch trả cho bà L số tiền là 35.598.000 đồng thì vợ chồng ông Ph, bà Ch không đồng ý vì theo quy định pháp luật thì lãi suất không vượt quá 20%/năm, mà vợ chồng ông Ph, bà Ch đã đóng lãi cho bà L là 36%/năm, vượt quá quy định là 16%/năm. Ông Ph yêu cầu Tòa án tính lãi suất lại theo quy định của pháp luật, đề nghị khấu trừ vào phần tiền lãi mà vợ chồng ông Ph, bà Ch đã góp lãi cho bà L thì ông Ph, bà Ch chỉ phải đóng cho bà L theo lãi suất Nhà nước quy định là 17.333.332 đồng, nên phần ông Phg, bà Ch đã đóng vượt là 15.066.668 đồng, khấu trừ vào số tiền gốc thì vợ chồng ông Ph, bà Ch chỉ còn phải trả cho bà L số tiền còn lại là 24.933.332 đồng, ông Ph, bà Ch xin bà L cho vợ chồng ông Ph, bà Ch xin trả làm 03 lần cho đến khi trả dứt nợ.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

1. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Trong vụ án này Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Giữa bà L, ông Ph, bà Ch đều xác định hai bên có hợp đồng vay tài sản với nhau. Cụ thể là vào ngày 15/02/2015 AL vợ chồng ông Ph, bà Ch có hợp đồng vay của bà L số vàng gốc là 20 *(Hai mươi)* chỉ vàng 24K và vào ngày 15/08/2017 AL vợ chồng ông Ph, bà Ch có hợp đồng vay thêm của bà L số tiền gốc là 40.000.000 đồng *(Bốn mươi triệu đồng)*. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự các tình tiết nêu trên là tình tiết không phải chứng minh trong vụ án. Tại phiên tòa bà L yêu cầu ông Ph, bà Ch hoàn trả cho bà L số vàng gốc là 5,6 chỉ *(Năm chỉ, sáu phân)* vàng 24k và số tiền gốc là 35.598.000 đồng. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử xử chấp nhận. Đối với hợp đồng vay vàng: Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu ông Ph, bà Ch phải hoàn trả số vàng gốc là 5,6 chỉ *(Năm chỉ, sáu phân)* vàng 24k. Bị đơn ông Ph trình bày là ông Ph, bà Ch đã gửi đóng lãi cho bà L 21,2 chỉ vàng 24k, yêu cầu Hội đồng xét xử đối trừ lại cho ông Ph, bà Ch, nhưng bà L chỉ thừa nhận là có nhận của ông Ph, bà Ch số vàng là 14,4 chỉ vàng 24k, ông Ph, bà Ch không đưa ra

được chứng cứ chứng minh là bà L đã nhận số vàng là 21,2 chỉ vàng 24k, nên đề nghị của ông Ph, bà Ch không có cơ sở. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xử buộc ông Ph, bà Ch phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà L số vàng gốc là 5,6 chỉ *(Năm chỉ, sáu phân)* vàng 24k. Đối với hợp đồng vay tiền: Tại phiên tòa bà L yêu cầu ông Ph, bà Ch phải cùng có trách nhiệm hoàn trả cho bà L số tiền gốc là 35.598.000 đồng. Bị đơn ông Ph trình bày vợ chồng ông Ph, bà Ch đã góp lãi cho bà L được 27 tháng, với tổng số tiền là 32.400.000 đồng, ông Ph, bà Ch không đồng ý vì theo quy định pháp luật thì lãi suất không vượt quá 20%/năm, mà vợ chồng ông Ph, bà Ch đã đóng lãi cho bà L là 36%/năm, vượt quá quy định là 16%/năm. Ông Ph yêu cầu Tòa án tính lãi suất lại theo quy định của pháp luật, đề nghị khấu trừ vào phần tiền lãi mà vợ chồng ông Ph, bà Ch đã góp lãi cho bà L thì ông Ph, bà Ch chỉ phải đóng cho bà L theo lãi suất Nhà nước quy định là 17.333.332 đồng, nên phần ông Ph, bà Ch đã đóng vượt là 15.066.668 đồng, khấu trừ vào số tiền gốc thì vợ chồng ông Ph, bà Ch chỉ còn phải trả cho bà L số tiền còn lại là 24.933.332 đồng, nhưng bà L chỉ thừa nhận là có nhận của ông Ph, bà Ch số tiền lãi đã góp là 9.600.000 đồng, ông Ph, bà Ch không đưa ra được chứng cứ chứng minh là đã đóng lãi cho bà L số tiền là 32.400.000 đồng. Do đó, lời trình bày của ông Ph, bà Ch không có cơ sở để chấp nhận. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay bà L và ông Phong đều thừa nhận là khi hợp đồng vay tiền thì thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng. Sự thỏa thuận này là cao so với quy định của pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 09 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để tính lãi suất cho ông Ph, bà Ch, nếu còn thừa thì khấu trừ vào tiền gốc cho ông Ph, bà Ch và buộc ông Ph, bà Ch phải hoàn trả số tiền gốc còn lại cho bà L theo quy định của pháp luật.

Tại Phiên tòa bà L, ông Ph đều thống nhất là giữa bà L với ông Ph, bà Ch có hợp đồng vay số vàng gốc là 20 chỉ vàng 24k và hợp đồng vay số tiền gốc là 40.000.000 đồng, lãi suất các bên thỏa thuận là 3%/tháng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự các tình tiết nêu trên là tình tiết không phải chứng minh trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn vào ngày 15/02/2015 ông Huỳnh Tấn Ph và vợ là bà Mạch Thị Ch có hợp đồng vay của bà L số vàng là 20 *(Hai mươi)* chỉ vàng 24K, thỏa thuận thời gian là 01 năm ông Ph, bà Ch sẽ trả 20 chỉ vàng 24k lại cho bà L, nhưng đến hẹn ông Ph và bà Ch không trả số vàng là 20 chỉ vàng 24K cho bà L.Vào ngày 15/08/2017 AL ông Huỳnh Tấn Ph và vợ là bà Mạch Thị Ch có hợp đồng vay thêm của bà L số tiền là 40.000.000 đồng *(Bốn mươi triệu đồng)*, thỏa thuận thời gian là 01 năm ông Ph, bà Ch sẽ trả lại số tiền là 40.000.000 đồng *(Bốn mươi triệu đồng)* cho bà L,

nhưng đến hẹn ông Ph và bà Ch không trả số tiền là 40.000.000 đồng *(Bốn mươi triệu đồng)* cho bà L. Do ông Ph, bà Ch vi phạm hợp đồng, bà L yêu cầu ông Ph, bà Ch phải hoàn trả 20 chỉ vàng 24k và số tiền là 40.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp phát sinh trong vụ kiện này là Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005 (Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015). Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà L xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Hội đồng xét xử buộc ông Huỳnh Tấn Ph và bà Mạch Thị Ch phải hoàn trả cho bà L số vàng gốc là 5,6 chỉ *(Năm chỉ, sáu phân)* vàng 24k, không yêu cầu tính lãi và hoàn trả cho bà L số tiền gốc là 35.598.000 đồng. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với hợp đồng vay vàng:

Nguyên đơn bà L yêu cầu ông Huỳnh Tấn Ph và bà Mạch Thị Ch, phải hoàn trả cho bà L số vàng gốc là 5,6 chỉ *(Năm chỉ, sáu phân)* vàng 24k, không yêu cầu tính lãi.

Ông Ph, bà Ch cho rằng đã góp cho bà L phần vàng lãi 21,2 chỉ vàng 24k, yêu cầu đối trừ số vàng lãi vào vàng gốc (21,2 chỉ vàng 24k – 20 chỉ vàng 24k = 1, 2 chỉ vàng 24k). Như vậy, ông Ph, bà Ch đã trả đủ số vàng gốc cho bà L, số vàng còn thừa, ông Ph, bà Ch không yêu cầu bà L trả lại.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Phiên tòa nguyên đơn bà L chỉ thừa nhận đã nhận của vợ chồng ông Ph, bà Ch số vàng là 14,4 *(Mười bốn chỉ, bốn phân)* vàng 24k, bà L chấp nhận đối trừ vàng gốc vào vàng lãi (20 chỉ vàng 24k – 14,4 chỉ vàng 24k = 5, 6 chỉ vàng 24k), thì ông Ph, bà Ch còn nợ lại bà L 5,6 chỉ *(Năm chỉ, sáu phân)* vàng 24k.

Ông Ph, bà Ch cho rằng đã góp cho bà L phần vàng lãi 21,2 chỉ vàng 24k, yêu cầu đối trừ số vàng lãi vào vào gốc (21,2 chỉ vàng 24k – 20 chỉ vàng 24k = 1,2 chỉ vàng 24k). Như vậy, ông Ph, bà Ch đã trả đủ số vàng gốc cho bà L, số vàng còn thừa, ông Ph, bà Ch không yêu cầu bà L trả lại, nhưng ông Ph, bà Ch không đưa ra được chứng cứ chứng minh là bà L đã nhận của ông Ph, bà Ch số vàng là 21,2 chỉ vàng 24k. Do đó lời trình bày và yêu cầu của ông Ph, bà Ch không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì vậy, yêu cầu của bà L là có cơ sở để chấp nhận, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần xử buộc ông Ph, bà Ch phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà L số vàng gốc là 5,6 chỉ *(Năm chỉ, sáu phân)* vàng 24k (tương đương với số tiền là 23.436.000 đồng) là hoàn toàn có cơ sở theo quy định tại các điều 122, điều 389, điều 401, điều 402, điều 424, điều 425, điều 471, điều 474 và điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 (Điều

117, Điều 119, Điều 398, Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015); Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Đối với hợp đồng vay tiền:

Nguyên đơn bà L yêu cầu ông Huỳnh Tấn Ph và bà Mạch Thị Ch phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà L số tiền gốc là 35.598.000 đồng.

Ông Ph, bà Ch cho rằng là trong quá trình hợp đồng ông Ph, bà Ch đã góp cho bà L 27 tháng tiền lãi, tổng cộng là 32.400.000 đồng (Đóng lãi từ ngày 15/9/2016 đến ngày 15/11/2018). Ông Ph yêu cầu Tòa án tính lãi suất lại theo quy định của pháp luật, đề nghị khấu trừ vào phần tiền lãi mà vợ chồng ông Ph, bà Ch đã góp lãi cho bà L thì ông Ph, bà Ch chỉ phải đóng cho bà L theo lãi suất Nhà nước quy định là 17.333.332 đồng, nên phần ông Ph, bà Ch đã đóng vượt là 15.066.668 đồng, khấu trừ vào số tiền gốc thì vợ chồng ông Ph, bà Ch chỉ còn phải trả cho bà L số tiền còn lại là 24.933.332 đồng và xin được trả dần số tiền trên 03 lần.

Hồi đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa nguyên đơn bà L chỉ thừa nhận đã nhận của vợ chồng ông Ph, bà Ch số tiền lãi là 9.600.000 đồng, ông Ph trình bày bà L đã nhận của vợ chồng ông số tiền là 32.400.000 đồng, nhưng ông Ph không đưa ra được chứng cứ chứng minh là ông Ph, bà Ch đã góp cho bà L tổng số tiền lãi là 32.400.000 đồng. Do đó, lời trình bày của ông Ph là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì vậy, yêu cầu của bà L là có cơ sở để chấp nhận. Tuy nhiên, do các bên đương sự thỏa thuận mức lãi suất vay trong hợp đồng là cao hơn mức lãi suất quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 09 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 điều chỉnh mức lãi suất cho vay và chấp nhận tính lãi suất lại cho ông Ph, bà Ch. Phần tiền thì lãi suất được tính như sau:

Từ ngày vay là ngày 15/8/2017 AL (nhằm ngày 04/10/2017 DL) đến ngày 15/4/2018 AL (nhằm ngày 29/5/2018 DL) là 07 tháng, 25 ngày. Lãi suất được tính cụ thể là: 40.000.000 đồng x 07 tháng, 25 ngày x 1,66% = 5.198.000 đồng.

Khấu trừ vào số tiền lãi đã đóng thì số tiền thừa còn lại là 4.402.000 đồng (9.600.000 đồng - 5.198.000 đồng = 4.402.000 đồng).

Khấu trừ tiền lãi còn thừa vào số tiền gốc là 40.000.000 đồng – 4.402.000 đồng = 35.598.000 đồng.

Như vậy, Hội đồng xét xử hoàn toàn có cơ sở để buộc ông Phg, bà Ch phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền gốc là 35.598.000 đồng theo quy định tại các điều 122, điều 389, điều 401, điều 402, điều 424, điều 425, điều 471, điều 474 và điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 (Điều 117, Điều 119, Điều 398, Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015); Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với yêu cầu của ông Ph, bà Ch yêu cầu bà L cho trả dần số tiền trên làm 03 lần, nhưng bà L không đồng ý. Xét thấy đề nghị này của ông Ph, bà Ch

không thuộc thẩm quyền giải quyết của Hội đồng xét xử, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc ông Ph, bà Ch phải cùng có trách nhiệm liên đới nộp số tiền là 2.951.700 đồng án phí dân sự sơ thẩm; Bà Nguyễn Thị L không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.920.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006120 ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Ngoài ra, căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 389, Điều 401, Điều 402, Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 (Điều 117, Điều 119, Điều 398, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015); Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 09 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 17 Luật phí và Lệ phí; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

- Buộc ông Huỳnh Tấn Ph và bà Mạch Thị Ch phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số vàng gốc là 5,6 chỉ *(Năm chỉ, sáu phân)* vàng 24k (Tương đương số tiền là 23.436.000 đồng).

- Buộc ông Huỳnh Tấn Ph và bà Mạch Thị Ch phải cùng có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền gốc là 35.598.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu năm trăm chín mươi tám ngàn đồng).*

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Huỳnh Tấn Ph và bà Mạch Thị Ch không hoàn trả tổng số tiền 59.034.000 đồng (*Năm mươi chín triệu không trăm ba mươi bốn ngàn đồng)* thì hàng tháng ông Ph, bà Ch còn phải trả lãi cho bà L đối với số tiền chậm thi hành

án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Tấn Ph và bà Mạch Thị Ch phải nộp 2.951.700 đồng *(Hai triệu chín trăm năm mươi mốt ngàn bảy trăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm; Bà Nguyễn Thị L không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.920.000 đồng *(Hai triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006120 ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Bà Nguyễn Thị L, ông Huỳnh Tấn Ph, bà Mạch Thị Ch có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Mỹ Xuyên